

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/10/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+TD3	7:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
2		P9	7:25	21	0		19	0	
3		TD2+P2	7:25	18+4	0+0		14+8	0+0	
4		P7+TD2	9:25	14+7	0+0		14+8	0+0	
5		P1	9:25	22	0		22	0	
6		P4	9:25	22	0		22	0	
7		AMD	11:25	19	0		20	0	
8		P3+P4+P1	11:25	11+6+5	0+0+0		10+5+6	0+0+0	
9		TGTH1+HSD+AMD	13:00	5+4+8	0+0+0		4+3+11	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày: P3 - 4 ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P3 - TD3	CREW: CHIẾN - N.ANH - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	P3	71	1	5	50	74	D-HANH	Vietnamese
2	HỒ NGỌC HÙNG	P3					80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN THẮNG	P3					65	NIPI	Vietnamese
4	TRẦN KHOA TRƯỜNG	P3	62	1	5		80	NIPI	Vietnamese
5	ĐINH VĂN THANH	P3	73	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯƠNG HUU HẬU	P3	74-75	2	19	/	86	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI THE DUONG	P3	72	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	TD3	35	1	8	32	70	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VĂN BẮC	TD3					81	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN TRUNG HIẾU	TD3	28	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG PHÚC	TD3	26-27	2	6		50	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	TD3	1000	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD3	33	1	7	15	75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC TIẾN	TD3	81	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH PHÚC	TD3	23-24	2	20		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH TUÂN	TD3	20-21	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG BÀ VỊNH	TD3	18	1	14		61	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐỨC TÙNG	TD3	30-32	3	13		75	YTE	Vietnamese
19	ĐẠO VĂN THẮNG	TD3	25	1	7		55	PSV	Vietnamese
20	LÊ XUÂN TINH	TD3	19	1	9		72	PSV	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC CUÔNG (1972)	TD3	29	1	7		65	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN PHÚ	TD3	22	1	5		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

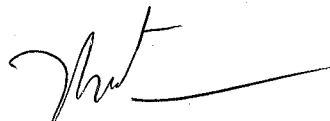
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	7	6	43	525	50	6		
2	TD3	15	19	127	1.018	47	16		
TOTAL		22	25	170	1.543	97	22		
WEIGHT KG				170	1.543	97			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/10/2023	TO: P9	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - M.Đức - DTùng	ETA: 09:25
Cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÌNH MINH	P9	49-50	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN XUÂN	P9	34	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN MINH HIẾU	P9	51	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TỰ ĐỘ	P9	40	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	P9	38	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DỤC	P9	35	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG TRUNG HIẾU	P9				5	78	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN LÊN	P9	41	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ ĐỨC THÀNH	P9	37	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN DUY TÂN	P9	55	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT MINH	P9	36	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN HUY	P9	39	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN SƠN	P9	33	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ NGỌC TŨ	P9	42	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ VIỆT HUÂN	P9	43	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ THAI THÀNH	P9	46-47	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC HÙNG	P9	44-45	2	19		85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG THANH	P9					67	PSV	Vietnamese
19	PHẠM CÔNG DUY	P9	32	1	9		80	PSV	Vietnamese
20	TÔ HỮU THĂNG	P9	52-53	2	12		80	DK9	Vietnamese
21	QUÁCH THANH ĐỘ	P9	54	1	8		65	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	21	23	167	1.454	5	19		
	TOTAL	21	23	167	1.454	5	19		
	WEIGHT KG			167	1.454	5			

GRAND TOAL: 1.626 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: TD2 - P2	CREW: Linh - ĐNam - Tú	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG CUÔNG	TD2	96	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH ANH	TD2	86	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN BAC	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN MANH CUÔNG	TD2	84	1	5	110	80	KHOAN	Vietnamese
5	NGÔ VĂN HUY	TD2	83	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ ANH QUÂN	TD2	92	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN SY HIẾU	TD2	85	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ QUANG HUNG	TD2	97-98	2	18		78	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM THANH GIANG	TD2	93	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG CUÔNG	TD2	78	1	9		78	KHOAN	Vietname
11	TO VAN DUC	TD2	91	1	5		65	VTB	Vietnamese
12	HỒ VĂN HUNG	TD2	90	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TRƯỞNG LAM	TD2	82	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TUÂN ANH	TD2	94-95	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ TUÂN ANH	TD2	88-89	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LỘC	TD2	87	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
17	DUONG VAN NGUYEN	TD2	99	1	5		67	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG HANH	TD2	66,78	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÂM	P2	10	1	9	20	70	YTE	Vietnamese
20	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	P2	06	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HIỆP	P2	05	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	PHẠM HỒNG VĂN	P2	04	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	21	148	1.336	110	15		
2	P2	4	4	24	297	20	7		
TOTAL		22	25	172	1.633	130	22		
WEIGHT KG				172	1.633	130			

GRAND TOAL: 1.935 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:58
FLIGHT: 04	TO: P7 - TD2	CREW: Linh - ĐNam - Tú	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC THUẬN	P7	24	1	11		82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P7	01	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	P7	75-76	2	19		54	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH THANH TAM	P7	02	1	5	64	90	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	25	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUANG MINH	P7	06	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN LỢI	P7	04	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P7	99	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THIÊN	P7	05	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC TÂN	P7					69	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN TRUNG	P7	26,74	2	10		69	YTE	Vietnamese
12	HOÀNG VIỆT HÙNG	P7	600	1	7		75	PSV	Vietnamese
13	BUI VĂN QUÂN (1987)	P7	03	1	5		63	PSV	Vietnamese
14	ĐẠU CÔNG SAU	P7	23	1	4		84	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC PHÁT	TD2	88-89	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT TÂN	TD2	91-92	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM NHƯ SANG	TD2	87	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐÌNH EM	TD2	85	1	3		69	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN XUÂN	TD2	93-94	2	10		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN HẠNH	TD2	95	1	7		67	PSV	Vietnamese
21	VU ĐÌNH GIANG	TD2	86	1	6		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	14	15	92	1.033	64	14		
2	TD2	7	10	77	478	0	8		
TOTAL		21	25	169	1.511	64	22		
WEIGHT KG				169	1.511	64			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: P1	CREW: CHIẾN - N.ANH - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BABKIN	P1	45	1	6	50	101	KH-THAC	Russian
2	KISELEV	P1	41	1	3		96	KH-THAC	Russian
3	VŨ XUÂN QUY	P1	37	1	10		101	KH-THAC	Vietnamese
4	NINH QUỐC HỘI	P1	42	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN KIM CUƠNG	P1	27	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẦN TRUNG CHÍNH	P1	48	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HỮU DŨNG	P1	50-51	2	16		84	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG HIẾU	P1	34	1	4		89	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THÀNH TÀI	P1	38-39	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THẾ VINH	P1	43	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ KIẾN TRUNG	P1	46	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	35-36	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG ANH TUẤN	P1	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	40	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TẠ QUỐC VIỆT	P1	32-33	2	15		62	YTE	Vietnamese
16	PHẠM ANH SƠN	P1	28	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THẮNG	P1	29-31	3	19		50	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔ QUANG ANH	P1	52	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI HUY NGHIỆP	P1					72	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM SỸ HIỆP	P1	44	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ HỒNG HAI	P1	25-26	2	20		65	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM HỮU PHƯỚC	P1	47	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	28	187	1.621	50	22		
TOTAL		22	28	187	1.621	50	22		
WEIGHT KG				187	1.621	50			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/10/2023	TO: P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: TTrung - M.Đức - DTùng	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ DUY TOÀN	P4	71	1	11	80	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY THAI	P4	69	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH QUAN	P4	77-78	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC HÙNG	P4	73	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THAI SƠN	P4	74	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	89	1	11		85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HOÀNG VINH	P4	81	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI MINH TUẤN	P4	75	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NHAN HAI	P4	79	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN NGỌC TUẤN	P4	76	1	5		55	KH - THAC	Vietname
11	ĐỖ MẠNH DŨNG	P4	52	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ HOÀNG LONG	P4	01	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐAM VĂN QUANG	P4	84	1	9		61	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HOÀNG	P4	80	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	83	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ANH THĂNG	P4	68	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU VĂN ĐẠT	P4	85	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN BA	P4	86-87	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
19	HA TÂN DŨNG	P4	70	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ HỒNG TRUNG	P4	90	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	88	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI MẠNH CƯỜNG	P4	72	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

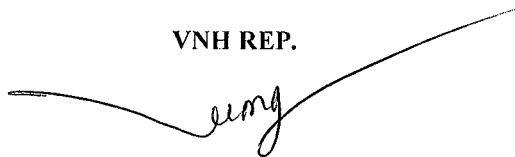
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	24	156	1.487	80	22		
TOTAL		22	24	156	1.487	80	22		
WEIGHT KG				156	1.487	80			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: AMD	CREW: KHOÀN - TUYỀN - QTrưởng	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG NHẬT QUANG	AMD	40	1	6		61	BAB	Vietnamese
2	TRẦN NAM TRUNG	AMD	58-59	2	10		75	HLJOC	Vietnamese
3	HỒ ANH QUỐC	AMD	45	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	64	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG DŨNG	AMD	49-50	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	52-53	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH HÙNG	AMD	43-44	2	15		58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN HIỆU	AMD	41-42	2	17		88	TLJOC	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	61	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ VĂN SAU	AMD	46	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	60	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG THANH	AMD	48	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	65-66	2	17		66	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ MẠNH HÀ	AMD	62-63	2	10		84	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH HỮU TÍNH	AMD	57	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐOÀN DUẬN	AMD	51	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
17	THAI BÀ HÙNG	AMD	47	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NHẢ	AMD	55-56	2	17		61	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ THANH TÙNG	AMD	54	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	19	27	175	1.287	0	22		
	TOTAL	19	27	175	1.287	0	22		
	WEIGHT KG			175	1.287	0			

GRAND TOAL: 1.462 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



Luân VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 1300
FLIGHT: 8	TO: P3 - P4 - P1	CREW: HUNG - HTrung - Thành	ETA: 1500
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUONG AN	P3	96	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN QUOC BINH	P3	97	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN THIEN THANH	P3	95	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN LE TUNG	P3	94	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	VU DUC HUNG	P3	98	1	10		87	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH PHONG	P3	99	1	6	17	79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN PHI DAN	P3	88	1	11		57	YTE	Vietnamese
8	VU ANH TUAN	P3	89-90	2	19		68	CODIEN	Vietnamese
9	PHAM VAN TUAN	P3	91-92	2	15		86	PSV	Vietnamese
10	DAO VAN TIEN	P3	400	1	7		58	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN PHAM TUAN ANH	P3	93	1	5		60	PSV	Vietnamese
12	BUI VAN MANH	P4	99	1	8	22	63	KH-THAC	Vietnamese
13	LUU VAN CHIEN	P4	96-97	2	12		66	YTE	Vietnamese
14	DOAN HONG DUONG	P4	82-83	2	20		71	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN TOAN	P4	300	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG NGOC HOA	P4	95	1	6		66	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN DANG NHAN	P4	98	1	3		70	PSV	Vietnamese
18	TRAN VAN PHIEN	P1	94	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
19	DANG QUANG DUC	P1	93	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC TUAN	P1	90-91	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN HOANG SANG	P1	92	1	13		95	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM PHU BINH	P1	89	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	11	13	103	801	17	11		
2	P4	6	8	56	401	22	5		
3	P1	5	6	42	360	0	6		
TOTAL		22	27	201	1.562	39	22		
WEIGHT KG				201	1.562	39			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 13:00
FLIGHT: 9	TO: TGTH1 - HSD - AMD	CREW: LTuấn - MMinh	ETA: 14:50
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ QUANG HUÂN	TGTH1	25	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN GIANG	TGTH1	21	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU CUÔNG	TGTH1	22-23	2	16		70	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VĂN HƯƠNG	TGTH1	24	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	TGTH1	20	1	7		67	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT THĂNG	HSD	90	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HUÂN	HSD	86-87	2	23		63	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC TÍNH	HSD	84	1	7		70	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SƠN	HSD	88-89	2	15		70	TLJOC	Vietnamese
10	ĐÀO CÔNG BÌNH	AMD	77	1	15	13	68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRƯƠNG VĂN BÀ	AMD	68-69	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN HỮU PHƯỚC	AMD	72-73	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TRẠI	AMD	70	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH NGỌC	AMD	76	1	11		105	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN DOANH	AMD	74-75	2	9		65	PSV	Vietnamese
16	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	71	1	5		57	PSV	Vietnamese
17	BUI VĂN QUỐC	AMD	67	1	5		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH1	5	6	45	344	0	4		
2	HSD	4	6	53	277	0	4		
3	AMD	8	11	75	555	13	9		
TOTAL		17	23	173	1.176	13	17		
WEIGHT KG				173	1.176	13			

GRAND TOAL: 1.362 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐIT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/10/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3	7:25	21	0+0		22	0+0	
2		TD3+TD5	9:25	3+18	0+0		0+22	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT:	TO: TD3	CREW: Linh - XTrường - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-1			

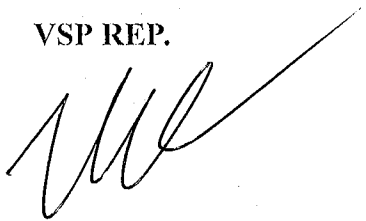
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN MẠNH CƯỜNG	TD3	59	1	9		68	SEAMAP	Vietnamese
2	ĐÀO KIM NHẬT MINH	TD3	60	1	10	173	55	SEAMAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD3	53	1	5		69	VTB	Vietnamese
4	NGUYỄN HAI	TD3	39	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
5	OLEINIK IVAN	TD3	49	1	9		75	KHOAN	Russian
6	CHU VĂN THĂNG	TD3	56	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM HÙNG DƯƠNG	TD3	57	1	3		97	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	47-48	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
9	HUYNH AI HỮU	TD3	55	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH HÙNG	TD3	58	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	46	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ TIẾN DŨNG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ MẠNH THĂNG	TD3					73	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	41	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN QUANG HÙNG	TD3	54	1	13		77	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ NGUYỄN KHANG	TD3	42-43	2	10		82	KHOAN	Vietnamese
17	ĐÀO XUÂN KHIÊM	TD3	44-45	2	10		47	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD3	61	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	38	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM XUÂN HIỆU	TD3	40	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
21	ĐẶNG HUY LONG	TD3	51-52	2	10		63	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN VĂN CƯỜNG	TD3	50	1	5		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

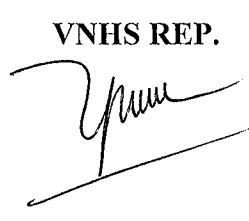
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	24	146	1.541	173	22		
	TOTAL	22	24	146	1.541	173	22		
	WEIGHT KG			146	1.541	173			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

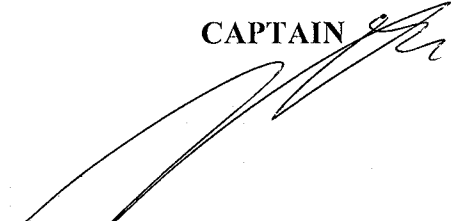
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	TO: TD3 - TD5	CREW: Linh - XTrường - PTUẤN	ETA: 11:40
XANH-2			

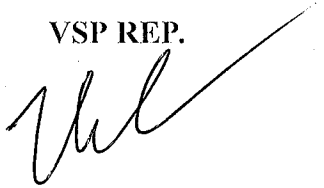
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARAVKA IVAN	TD3	75	1	15		110	KHOAN	Russian
2	KOSHELEV PAVEL	TD3	76	1	9	40	89	KHOAN	Russian
3	HO VAN QUYNH	TD3	72-73	2	13		66	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG MINH	TD3	74	1	8		80	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN HAI	TD5	73	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
6	ASKAROV DENIS	TD5	78	1	7		85	KHOAN	Russian
7	NGUYEN TAN TAI	TD5	86	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
8	BAO NGUYEN LỘC	TD5	79	1	9		63	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN BA HOA	TD5	82	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TUAN ANH	TD5	87	1	5	15	75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HOA	TD5	71	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH BINH	TD5	70	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
13	VU LONG PHI	TD5	83	1	9	14	70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HUU LỘC	TD5	75	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRUONG THIEN	TD5	88	1	16		80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TIEN	TD5	74	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HIEU	TD5	76	1	6		62	YTE	Vietnamese
18	PHAM VAN CHIEN	TD5	72	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TIEN	TD5	80	1	5		57	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HANH	TD5	77	1	5		61	PSV	Vietnamese
21	ĐINH VĂN HOAI	TD5	81	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	NGO VAN THANH	TD5	84-85	2	12		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

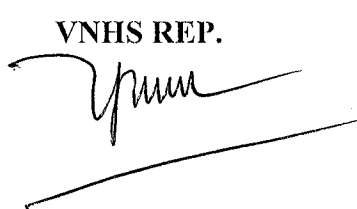
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	4	5	45	345	40	0		
2	TD5	18	19	130	1.281	29	22		
TOTAL		22	24	175	1.626	69	22		
WEIGHT KG				175	1.626	69			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

